

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ CÙ  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-ST  
Ngày 31 - 10 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Đình Hiền;

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Mai Văn Duy và bà Bùi Thị Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2023/TLST-HS ngày 04/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HS ngày 16/10/2023 đối với bị cáo:

**Nguyễn Đức X**, sinh năm 1991 tại G, Hà Nội; nơi cư trú: thôn T, xã K, huyện G, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Đào Thị K1; có vợ là Lã Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 11/9/2023 Nguyễn Đức X bị Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm phạt 02 năm 09 tháng tù về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và ngày 06/9/2023 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên truy tố về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2023 theo lệnh của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên; bị cáo X hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

**- Bị hại:** ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1983;

Trú tại: thôn P, xã T2, huyện P1, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

**- Người có quyền lợi liên quan vụ án:** bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1974;

Trú tại: thôn T4, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng “có mặt”.

**- Người làm chứng:**

1. Anh Phạm Khắc H2, sinh năm 1997;

Trú tại: thôn b, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng “có mặt”.

2. Chị Bùi Hoài N, sinh năm 2001;

Trú tại: xóm K2, xã K3, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên “vắng mặt”.

3. Ông Trần Quang H3, sinh năm 1983;

Trú tại: thôn h D, xã T5, huyện A, thành phố Hải Phòng “vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền sử dụng cá nhân nên Nguyễn Đức X, sinh năm 1991 trú tại thôn T, xã K, huyện G, Thành phố Hà Nội đã sử dụng tài khoản Facebook có tên “Bảo Bảo” lên mạng xã hội Facebook tìm người mua, bán hạt nhựa tái sinh. Ngày 18/11/2022, X đã tìm thấy tài khoản Facebook có tên “Phạm Khắc H2” do anh Phạm Khắc H2, sinh năm 1997, trú tại thôn b, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng là nhân viên xưởng sản xuất hạt nhựa tái sinh của bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1974, trú tại thôn T4, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng đăng tải nội dung bán hạt nhựa trên mạng xã hội Facebook. Nguyễn Đức X đã sử dụng tài khoản Facebook “Bảo Bảo” và số điện thoại 0366537... và tài khoản Zalo có tên “Long-Nhựa” được đăng ký từ số điện thoại 0878016... để liên lạc, trao đổi với anh H2 về việc mua bán hạt nhựa tái sinh. Cùng ngày 18/11/2023, ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1983, trú tại thôn P, xã T2, huyện P1, tỉnh Hưng Yên là chủ hộ kinh doanh sản xuất áo mưa P D có địa chỉ tại nơi ở, trong quá trình sử dụng Facebook ông H1 đã đọc được bài viết bán hạt nhựa của X nên đã bình luận hỏi mua, đồng thời để lại số điện thoại của mình cho X liên lạc. Sau đó Nguyễn Đức X sử dụng tài khoản Zalo có tên “Long-Nhựa” và số điện thoại 0366537... để liên lạc với ông H1. Qua trao đổi, ông H1 yêu cầu được đến xưởng sản xuất để trực tiếp xem hạt nhựa thì X liên lạc yêu cầu anh Phạm Khắc H2 cung cấp địa chỉ, định vị xưởng sản xuất hạt nhựa gửi qua Zalo cho X, khi nhận được X gửi chuyển tiếp cho ông H1 để ông H1 đến xem hạt nhựa. Ngày 19/11/2022, ông H1 đến xem hạt nhựa tại xưởng sản xuất của bà T3. Ông H1 và bà T3 có trao đổi qua điện thoại giá cả hạt nhựa, nhưng do giá cao nên ông H1 không mua hàng của bà T3. Sau đó, X liên lạc với ông H1 và báo giá hạt nhựa bán rẻ hơn so với giá của bà T3, nên ông H1 đồng ý mua của X 14 tấn hạt nhựa gồm hai loại là: PP thối có giá 17.000 đồng/kg và PP chống co có giá 20.500 đồng/kg. Sau khi thỏa thuận giá cả với ông H1, X đã đặt mua 14 tấn hạt nhựa tái sinh từ anh H2 gồm hai loại là: PP thối có giá 19.500 đồng/kg và PP chống co có giá 23.000 đồng/kg; đồng thời X yêu cầu anh H2 thuê xe chở hàng đến thôn C, xã T2, huyện P1, tỉnh Hưng Yên. Để thực hiện việc giao hàng, anh H2 cân xác định khối lượng hạt nhựa và báo cho X biết khối lượng loại PP thối là 8.440kg và loại PP chống co là 4.310kg, bằng tổng số tiền là 281.000.000 đồng. Anh H2 yêu cầu X sau khi nhận hàng phải chuyển trả số tiền trên vào số tài khoản 9999916555... của anh H2 tại ngân hàng Mbbank. Sau đó X báo lại với ông H1 khối lượng hàng như đặt mua của anh H2, nhưng tổng số tiền ông H1 phải trả chỉ là 246.000.000 đồng. X yêu cầu anh H2 khi vào giao hàng cho ông H1 thì anh H2 ở ngoài, vì X sợ anh H2 và ông H1 gặp nhau sẽ phát hiện ra hành vi lừa đảo của

X. Sau khi nhận được hàng hạt nhựa vào kho, ông H1 đã chuyển khoản số tiền 195.000.000 đồng vào số tài khoản 111092..., chủ tài khoản BUI HOAI N tại ngân hàng Mbbank theo yêu cầu của X, số tiền còn thiếu ông H1 xin trả vào ngày hôm sau. Tuy nhiên, sau khi X nhận được số tiền 195.000.000 đồng từ ông H1 nhưng X đã không thanh toán trả số tiền hạt nhựa là 281.000.000 đồng cho anh H2, đồng thời X chặn mọi liên lạc với anh H2 và ông H1. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được của ông H1 thì Nguyễn Đức X đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 06/12/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Cù đã tiến hành tạm giữ, niêm phong 507 bao hạt nhựa tái sinh, có tổng khối lượng là 12.715 kg tại xưởng sản xuất áo mưa của ông Nguyễn Văn H1 tại thôn C, xã T2, huyện P1, tỉnh Hưng Yên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐG ngày 04/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phù Cù kết luận: 8.440 kg hạt nhựa tái sinh loại PP thối, tại thời điểm ngày 19/11/2022 có giá trị 194.120.000 đồng và 4.310 kg hạt nhựa tái sinh loại PP chống co, tại thời điểm ngày 19/11/2022 có giá trị 84.045.000 đồng; tổng cộng giá trị tài sản trên là 278.165.000 đồng.

Đối với số điện thoại 0366537... qua xác minh, xác định chủ thuê bao là chị Triệu Thị T6, sinh năm 1998, địa chỉ xã T7, huyện C1, tỉnh Bắc Kạn. Chị T6 đã đưa cho X số điện thoại này từ tháng 7/2021 âm lịch và chị T6 không biết, không liên quan gì đến hành vi phạm tội của X nên không có căn cứ xử lý đối với chị Triệu Thị T6.

Về tài khoản ngân hàng số 111092... mang tên BUI HOAI N, quá trình xác minh xác định chủ tài khoản là chị Bùi Hoài N, sinh năm 2001 trú tại xóm K2, xã K3, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên. Chị Bùi Hoài N quen biết và cho Nguyễn Đức X mượn tài khoản ngân hàng trên để sử dụng. Tuy nhiên chị N không biết X dùng tài khoản ngân hàng này vào việc gì, sau khi dùng xong X đã trả lại tài khoản trên cho chị N. Bản thân chị N không liên quan gì đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của X nên không có căn cứ xử lý đối với chị N.

Về số điện thoại 0878016... X sử dụng để đăng ký tài khoản Zalo “Long-Nhựa”, quá trình xác minh xác định là số điện thoại đã được kích hoạt sẵn, do X mua và sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Qua tra cứu xác định người đã đăng ký số điện thoại trên là Đồng Thị Thanh H4, sinh năm 1994, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu s, phường H5, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên tiến hành xác minh không xác định được Đồng Thị Thanh H4.

Về vật chứng vụ án: Đối với 507 bao hạt nhựa tái sinh, tổng khối lượng 12.715 kg là tài sản của bà Nguyễn Thị T3, nên cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ số hạt nhựa trên cho bà T3 theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án, giữa bà Nguyễn Thị T3 và ông Nguyễn Văn H1 tự thỏa thuận: bà T3 đưa trước hỗ trợ ông H1 một nửa số tiền bị X chiếm đoạt là 97.500.000 đồng. Nay ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu bị cáo X phải bồi thường cho ông số tiền còn thiếu là 97.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T3 yêu cầu bị cáo X bồi thường cho bà số tiền 97.500.000 đồng đã ứng đưa trước cho ông H1 bù vào khoản tiền của ông H1 bị X chiếm đoạt và

16.000.000 đồng gồm tiền thuê xe vận chuyển số hạt nhựa từ Hải Phòng về Phù Cù, Hưng Yên và từ Phù Cù, Hưng Yên về Hải Phòng, cộng với tiền thuê xe taxi 4 chuyến 2 chiều đi từ Hải Phòng về Phù Cù và ngược lại để làm việc với cơ quan điều tra giải quyết vụ án.

Tại Cáo trạng số: 39/CT-VKSPC ngày 04/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Đức X về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên luận tội, phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của Nguyễn Đức X theo nội dung bản cáo trạng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các điều 585, 590, 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức X từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù; không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo X; về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận thỏa thuận giữa bị cáo X và ông H1, bà T3 xử buộc Nguyễn Đức X phải bồi thường khoản tiền chiếm đoạt cho ông Nguyễn Văn H1 là 97.500.000 đồng và bà Nguyễn Thị T3 là 97.500.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện và thỏa thuận của bị cáo X với bà T3 về việc X bồi thường thêm cho bà T3 khoản tiền thuê xe vận chuyển hạt nhựa và tiền thuê xe taxi đi lại làm việc với cơ quan điều tra để giải quyết vụ án với số tiền là 16.000.000 đồng, tổng cộng số tiền bị cáo X phải bồi thường cho bà T3 là 113.500.000 đồng. Bị cáo X phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đức X nhận tội, khai báo thành khẩn diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù truy tố theo nội dung cáo trạng. Bị cáo X đã nhận thức rõ sai phạm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để phạt bị cáo mức án thấp nhất. Về phần trách nhiệm dân sự: bị cáo X nhất trí bồi thường toàn bộ khoản tiền bị cáo đã chiếm đoạt của ông H1 là 195.000.000 đồng, nhưng do bà T3 đã ứng trả trước cho ông H1 một nửa số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông H1 là 97.500.000 đồng, nên bị cáo X sẽ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông H1 là 97.500.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho bà T3 là 97.500.000 đồng. Đồng thời, bị cáo X nhất trí tự nguyện bồi thường cho bà T3 khoản tiền thuê xe vận chuyển hạt nhựa từ Hải Phòng về Phù Cù, Hưng Yên và từ Phù Cù, Hưng Yên về Hải Phòng, cộng với khoản tiền bà T3 thuê xe taxi 4 chuyến đi từ Hải Phòng về Phù Cù, Hưng Yên và chiều ngược lại để đến làm việc với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, cộng hai khoản này bị cáo X bồi thường cho bà T3 là 16.000.000 đồng.

Bị hại ông Nguyễn Văn H1 xác định lời khai của bị cáo X tại phiên tòa là đúng. Ông H1 thừa nhận trong giai đoạn điều tra giữa ông và bà T3 tự nguyện thỏa thuận: bà T3 xin nhận hàng hạt nhựa về và ứng trước cho tôi một nửa số tiền đã bị bị cáo X chiếm đoạt là 97.500.000 đồng. Đến nay, ông H1 đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật và buộc bị cáo X phải bồi thường

cho ông số tiền bị X chiếm đoạt còn thiếu là 97.500.000 đồng và bồi thường cho bà T3 số tiền đã ứng trước trả ông là 97.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T3 là người có quyền lợi liên quan vụ án trình bày: Tại phiên tòa bị cáo X khai đúng. Đối với số hạt nhựa tái sinh của bà mà bị cáo X đã thỏa thuận với anh H2 nhân viên của bà T3 về giá cả, khối lượng và X yêu cầu anh H2 thuê xe chở hơn 12 tấn hạt nhựa tái sinh về giao cho X, bà đã thống nhất với anh H2 khi nhận được tiền mới cho xuống hàng. Khi xe chở hàng của bà T3 đến kho của ông H1 nhưng X dặn anh H2 không vào giao hàng cho ông H1. Bà T3 ở nhà chờ lâu không thấy nhận được tiền hàng nên liên hệ với anh H2 thì anh H2 thông báo đã giao hàng vào kho xong nhưng không nhận được tiền hàng và cũng không liên lạc được với người mua hàng, bà đã nghĩ đến việc bị lừa và thuê xe đi đến Công an huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên trình báo sự việc. Đối với số hàng hạt nhựa tái sinh bà đã được nhận lại, so với khi cân hàng mang đi giao thì hao hụt 35 kg do vận chuyển, bốc xếp hàng nên bà T3 không yêu cầu bị cáo bồi thường số hàng bị thiếu này. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra bà T3 và ông H1 đã thỏa thuận: bà xin nhận hàng về và đưa ứng trước cho ông H1 một nửa số tiền bị chiếm đoạt là 97.500.000 đồng. Đến nay, bà nhất trí và thống nhất với bị cáo X và ông H1 là: Bị cáo X phải bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt của ông H1, nhưng chia ra: X bồi thường cho ông H1 số tiền bị chiếm đoạt còn thiếu là 97.500.000 đồng và bồi thường cho bà T3 số tiền bà T3 đã đưa trước cho ông H1 là 97.500.000 đồng. Ngoài ra, bà T3 yêu cầu bị cáo X phải bồi thường cho bà 6.000.000 đồng tiền vận chuyển hàng đi và về, cộng với 10.000.000 đồng tiền 04 chuyến taxi 2 chiều đi đến làm việc với cơ quan điều tra để giải quyết vụ án, cộng hai khoản tiền này bằng 16.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Cừ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng, đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của Nguyễn Đức X tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra có trong hồ sơ; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ đó là: Đơn trình báo và lời khai của ông Nguyễn Văn H1 là bị hại trực tiếp giao dịch mua bán hạt nhựa tái sinh với Nguyễn Đức X và đã bị X dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 195.000.000 đồng; lời khai của người có quyền lợi liên quan là bà

Nguyễn Thị T3 chủ xưởng sản xuất có hạt nhựa tái sinh bán đã bị X giao dịch mua bán như thật và yêu cầu bên bà T3 chở hạt nhựa về T2, Phù Cừ giao cho ông H1 để ông H1 tin tưởng chuyển khoản cho X 195.000.000 đồng, nhưng X không trả tiền hàng cho bên bà T3 và chặn mọi liên lạc với ông H1, anh Phạm Khắc H2 nhân viên bán hàng của bà T3 để chiếm đoạt được số tiền của ông H1 đã chuyển cho X; phù hợp lời khai của chị Bùi Hoài N bạn X và là chủ tài khoản số 111092... mang tên BUI HOAI N xác định đã cho Nguyễn Đức X mượn và sử dụng số tài khoản ngân hàng trong khoảng thời gian tháng 11/2022 phù hợp với sao kê ngày 19/11/2022 số tài khoản 111092... mang tên BUI HOAI N tại ngân hàng Mbbank đã nhận từ số tài khoản 104859836... tại ngân hàng VietinBank của ông Nguyễn Văn H1 đã chuyển số tiền 195.000.000 đồng vào số tài khoản 111092... để X chiếm đoạt; đồng thời phù hợp với nội dung trao đổi qua Zalo giữa bị cáo X với ông H1 về việc X báo giá hạt nhựa bán cho ông H1 rẻ hơn so với giá hạt nhựa của bà T3 mà X đã đặt mua qua anh H2 là nhân viên của bà T3 đưa ra, nên ông H1 đã đồng ý mua của X 14 tấn hạt nhựa, gồm hai loại, là loại PP thối có giá 17.000 đồng/kg và loại PP chống co có giá tiền 20.500 đồng/kg, trong khi đó X đặt mua 14 tấn hạt nhựa tái sinh của bà T3 qua anh H2 gồm hai loại, là loại PP thối có giá tiền 19.500 đồng/kg và loại PP chống co có giá tiền 23.000 đồng/kg. Như vậy, số tiền X đặt mua hàng của bà T3 qua anh H2 là 281.000.000 đồng, nhưng cũng với số lượng hàng đó của bà T3 thì X bán lại cho ông H1 với số tiền chỉ là 246.000.000 đồng (chênh lệch rẻ hơn 35.000.000 đồng). Bằng thủ đoạn gian dối của X, với cùng một khối lượng hạt nhựa X đặt mua của bà T3 qua anh H2 với giá cao hơn, số tiền hàng nhiều hơn, nhưng X lại bán lại cho ông H1 với giá tiền rẻ hơn, số tiền hàng ít hơn; đồng thời X yêu cầu anh H2 thuê chở hàng về T2, Phù Cừ giao cho ông H1 như mua bán thật, làm cho ông H1 tin tưởng chuyển trả tiền hàng vào số tài khoản 111092..., chủ tài khoản BUI HOAI N tại ngân hàng Mbbank theo yêu cầu của X. Sau khi X đã nhận được số tiền 195.000.000 đồng của ông H1 thì X đã chặn mọi liên hệ với anh H2 nhân viên của bà T3 và ông H1, qua đó Nguyễn Đức X đã hoàn thành việc chiếm đoạt của ông H1 số tiền 195.000.000 đồng, vì số hàng của bà T3 đem giao cho ông H1 nhưng không nhận được tiền hàng nên bà T3 đã tố cáo với Công an để quản lý số hàng của bà T3 tại kho của ông H1 đã nhận trước đó; cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ ngày 18 đến ngày 19/11/2022 bị cáo Nguyễn Đức X đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn H1 khoản tiền là 195.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Đức X là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo thực hiện như phân tích đã có đủ dấu hiệu cấu thành Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự. Do số tiền bị cáo Nguyễn Đức X chiếm đoạt của bị hại là 195.000.000 đồng, nên bị cáo X phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt là “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Đức X về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là chính xác có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét hành vi phạm tội của Nguyễn Đức X là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, phạm vi địa bàn phạm tội rộng, giá trị tài sản chiếm đoạt tương đối lớn, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp, tương xứng với giá trị tài sản chiếm đoạt và tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo gây ra và phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian cần thiết để trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Đức X không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Nguyễn Đức X trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều nhận tội, khai báo thành khẩn nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: do bị cáo Nguyễn Đức X là lao động tự do, còn phải bồi thường thiệt hại một khoản tiền lớn cho bị hại và người có quyền lợi liên quan, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Nguyễn Đức X phạm tội, đã chiếm đoạt của bị hại ông Nguyễn Văn H1 khoản tiền là 195.000.000 đồng, nên bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại toàn bộ khoản tiền này. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra giữa bị hại ông Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi liên quan vụ án là bà Nguyễn Thị T3 đã tự thỏa thuận, theo đó bà T3 ứng trước giao cho ông H1 một nửa số tiền bị X chiếm đoạt là 97.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo X và ông H1, bà T3 tự nguyện thỏa thuận: bị cáo Nguyễn Đức X phải bồi thường tổng số tiền chiếm đoạt của ông H1 là 195.000.000 đồng, nhưng chia ra: bị cáo X bồi thường cho ông H1 là 97.500.000 đồng và bồi thường cho bà T3 là 97.500.000 đồng; xét thỏa thuận này của bị cáo X với ông H1 và bà T3 là phù hợp quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi của các bên nên được chấp nhận.

- Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T3 yêu cầu bị cáo X phải bồi thường cho bà khoản tiền thuê xe vận chuyển hạt nhựa từ Hải Phòng về Phù Cừ, Hưng Yên và chiều ngược lại là 6.000.000 đồng, cộng với số tiền thuê 4 chuyến taxi đi từ Hải Phòng về Phù Cừ, Hưng Yên và chiều ngược lại hết 10.000.000 đồng để đến làm việc với cơ quan điều tra giải quyết vụ án; cộng hai khoản tiền trên là 16.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Đức X đồng ý, tự nguyện bồi thường cho bà T3 hai khoản tiền thuê xe vận chuyển hạt nhựa và thuê xe taxi đến làm việc với cơ quan điều tra giải quyết vụ án với số tiền là 16.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận của các bên là phù hợp thực tế giấy biên nhận, vé xe bà T3 giao nộp, đồng thời phù hợp quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, được chấp

nhận. Như vậy, các khoản tiền bà T3 ứng trả trước cho ông H1 số tiền bị X lừa đảo chiếm đoạt là 97.500.000 đồng, tiền thuê xe vận chuyển hạt nhựa theo yêu cầu của X đi, về là 6.000.000 đồng và tiền thuê xe để đến cơ quan điều tra giải quyết vụ án là 10.000.000 đồng; tổng cộng các khoản tiền trên buộc bị cáo Nguyễn Đức X phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T3 là 113.500.000 đồng,

[8]. Về án phí: bị cáo Nguyễn Đức X là người bị kết án và bồi thường dân sự nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 585, 590, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên bố:** bị cáo Nguyễn Đức X phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

**Xử phạt** bị cáo Nguyễn Đức X 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo thi hành hình phạt của bản án này.

#### **Trách nhiệm dân sự:**

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức X phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1983; trú tại thôn P, xã T2, huyện P1, tỉnh Hưng Yên số tiền 97.500.000đ, (Chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức X phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1974; trú tại thôn T4, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng tổng số tiền là 113.500.000đ, (Một trăm mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền bồi thường thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**Án phí:** Bị cáo Nguyễn Đức X phải chịu 200.000đ, (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.550.000đ, (Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt bị cáo, bị hại và người có quyền lợi liên quan vụ án; đã báo cho các người trên biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự*

*nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Bị cáo X;
- Bị hại; NCQLLQ;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Phù Cù;
- CQĐT & VP CA huyện Phù Cù;
- Cơ quan THA hình sự & dân sự huyện Phù Cù;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Hiền**